

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 436/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 16/5/2022.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 403/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*

**Chị Trần Thị T; Sinh năm: 199x.**

Nơi đăng ký HKTT: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T.

Nơi làm việc hiện tại: số 2xx đường L, phường T, quận Đ, thành phố H.

**Anh Phạm Hữu D; Sinh năm: 199x.**

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- [1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị T và anh Phạm Hữu D xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N tỉnh T vào ngày 16 tháng 10 năm 2017.

Quá trình chung sống vợ chồng đến đầu năm 2021 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống làm cho cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, không sống chung cùng nhau được nữa. Chị T, anh D đã có

thời gian suy ngẫm, nhìn nhận lại vấn đề hôn nhân mà cả hai đang gặp phải nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không được cải thiện, không có tiếng nói chung. Nay chị T, anh D xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc và đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa là nơi có trụ sở cơ quan công tác của chị T công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn của chị T, anh D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

- [2]. **Về con chung:** Chị Trần Thị T và anh Phạm Hữu D có 01 con chung là Phạm Hoàng N (Nam), sinh ngày 27/04/2018. Ly hôn, chị T, anh D thỏa thuận: chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Hoàng N và anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị T, anh D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

- [3]. **Về tài sản chung** (gồm động sản và bất động sản): Chị Trần Thị T và anh Phạm Hữu D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- [4]. **Về nợ:** Chị Trần Thị T và anh Phạm Hữu D không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- [5]. **Về lệ phí:** Chị Trần Thị T và anh Phạm Hữu D thỏa thuận chị Trần Thị T sẽ chịu án phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Hữu D.

- **Về con chung:** Xác nhận chị Trần Thị T và anh Phạm Hữu D có 01 con chung là Phạm Hoàng N (Nam), sinh ngày 27/04/2018. Giao cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Hoàng N. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng, mỗi tháng là 2,000,000 (Hai triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu Phạm Hoàng N trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế. Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung** (Động sản và bất động sản): Chị Trần Thị T và anh Phạm Hữu D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các vấn đề khác:** Chị Trần Thị T và anh Phạm Hữu D không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. **Về lệ phí Tòa án:** Chị Trần Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0070127 ngày 16/5/2022. tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. (Chị T đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

***Đặng Thị Hương***